

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/DS-ST

Ngày: 18/6/2020.

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản,  
Hợp đồng bảo lãnh, Hui, Hợp đồng mua bán”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Châu Vũ Sơn**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trịnh Văn Bé;**

2. Ông **Phan Tấn Tài.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Ngô Thị Lắm**, là thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang** tham gia phiên Tòa: Bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng bảo lãnh, hợp đồng góp hui, hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2020/QĐST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Bùi Thiện S**, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp B T, xã B P X, huyện C M, tỉnh An Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Quang T**, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp B T, xã B P X, huyện C M, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Trương Thị Nh**, sinh năm 1956; địa chỉ: ấp B T, xã B P X, huyện C M, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN;**

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải được, tại phiên tòa nguyên đơn ông **Bùi Thiện S** trình bày: Vào năm 2018, ông có mua bán ớt với ông **Nguyễn Quan (Quang) T**, qua nhiều lần mua bán ông **T** còn nợ ông số tiền 50.000.000 đồng, ông còn cho ông **T** vay số tiền 70.000.000, ông còn vay dùm cho ông **T** 146.000.000 đồng, ông **T** còn nợ ông số tiền hui 114.000.000 đồng. Do chỗ

quen biết nên việc mua bán hay vay mượn không làm giấy tờ. Đối với số tiền ông cho ông T vay không thỏa thuận thời gian trả, ông giao tiền trực tiếp cho ông T. Đối với số tiền vay ông T có đóng lãi số tiền bao nhiêu thì không nhớ, lãi suất vay dùm theo ngày và cũng không nhớ rõ. Đến khoảng tháng 3/2019 ông T không đóng lãi cũng như trả vốn cho đến nay, ông đứng ra trả phần lãi này cho người khác. Số tiền ông trả thay ông không có yêu cầu ông T trả lại, chỉ yêu cầu ông T trả cho ông số tiền 380.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với bà Nh, do thời gian trước ông T bỏ đi, ông có lại gặp bà Nh là mẹ ông T, bà đồng ý đứng ra trả thay khi bà bán nhà xong, nên ông vẫn yêu cầu bà Nh cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số nợ này nếu ông T không có khả năng trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Nh trình bày: Ông Nguyễn Quan (Quang) T là con ruột của bà, hiện nay đã đi làm xa nhưng vẫn còn liên lạc được, bà thừa nhận con bà còn nợ ông S số tiền 380.000.000 đồng. Bà cũng thừa nhận có ký tên vào tờ cam kết để trả thay cho con bà khi nào bà bán nhà được. Đối với tờ cam kết thì ông S tự viết, bà cũng không đọc lại nội dung của tờ cam kết. Nội dung tờ cam kết do ông S ghi sẵn. Nay ông S yêu cầu con bà là ông T trả số tiền 380.000.000 bà không có ý kiến. Đối với việc ông S yêu cầu bà trả thay cho con bà là ông T nếu khi nào ông T không có khả năng trả thì bà cũng đồng ý nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

Do bà thuộc diện người cao tuổi nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được miễn, giảm tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 09 tháng 3 năm 2020 ông Nguyễn Quan (Quang) T trình bày: Ông thừa nhận ông có làm ăn với ông S và có vay mượn tiền, thiếu tiền mua bán ớt và tiền hụi, nên tổng số tiền ông nợ ông S là 380.000.000 đồng, do làm ăn thua lỗ khó khăn ông xin trả dần số tiền cho ông S. Cho ông xin vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Quan (Quang) T, bà Trương Thị Nh đến tham gia phiên họp và hòa giải theo đúng trình tự của pháp luật nhưng ông, bà không đến nên không tiến hành hòa giải được vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Vào năm 2018 ông có mua bán ớt với ông Nguyễn Quang T và cho ông T mượn tiền nhiều lần, tổng cộng 380.000.000 đồng gồm tiền mua bán ớt 50.000.000 đồng, tiền vay 70.000.000 đồng, tiền vay dùm 146.000.000 đồng, tiền hụi 114.000.000 đồng, số tiền vay có đóng lãi bao nhiêu thì không nhớ rõ. Mục đích

vay để trả nợ, hui để mua bán. Đến tháng 3/2019, ông T không trả lãi và vốn đến nay. Nay ông S yêu cầu ông T trả số tiền 380.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. T hợp ông T không khả năng trả nợ thì yêu cầu bà Trương Thị Nh (mẹ của ông T) trả thay, do bà Nh có làm cam kết bảo lãnh số nợ của ông T.

Phía ông T thừa nhận có nợ ông S tổng số tiền 380.000.000 đồng. Đồng ý trả nợ và xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Riêng, bà Nh đồng ý trả thay ông T mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ trong T hợp ông T không khả năng trả ông S.

Xét thấy, việc mua bán và mượn nợ giữa ông T và ông S tuy không làm biên nhận nhưng phía ông T thừa nhận còn nợ ông S tổng số tiền 380.000.000 đồng nên ông S khởi kiện là có căn cứ. Việc ông T xin trả dần, ông S không đồng ý nên không có cơ sở em xét.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 335 Bộ luật dân sự “*Bảo lãnh là việc người thứ ba cam kết với bên có quyền sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ, nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ*”. Có cơ sở xác định hợp đồng vay tài sản giữa ông S và ông T, được xác lập từ năm 2018, bà Nh không tham gia giao dịch hợp đồng và không trực tiếp nhận tiền ông S, cũng như không thể hiện ý kiến của bà Nh về việc bảo lãnh số nợ 380.000.000 đồng, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông S buộc bà Nh trả số tiền 380.000.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 335, 432, 438, 463, 466, 471 Bộ luật dân sự, đề nghị:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bùi Thiện S.
- Buộc ông Nguyễn Quang (Quan) T có nghĩa vụ trả ông Bùi Thiện S số tiền 380.000.000 đồng.
- Không chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Thiện S đối với bà Trương Thị Nh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Quan (Quan) T cư trú ấp B T, xã B P X, huyện C M, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Nguyễn Quan (Quan) T, bà Trương Thị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà Nh.

[3] Về nội dung:

[3.1] Qua lời trình bày của ông S và các tài liệu, chứng cứ cung cấp và qua quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định giữa

ông S và ông T có ký kết hợp đồng vay tài sản, hợp đồng mua bán, hợp đồng góp hui giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do ông T không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền khi ông S có yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 282, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 đề Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa ông S trình bày số tiền mua bán, tiền vay, số tiền hui ông T nợ ông tổng cộng là 380.000.000 đồng, nhưng ông T không thực hiện nghĩa vụ trả và tiền đóng lãi mà ông vay dùm, do ông T không đóng lãi ông phải ra tiền đóng thay, đối với số tiền ông đóng thay ông không yêu cầu ông T trả lại, ông chỉ yêu cầu ông T trả cho ông số tiền 380.000.000 đồng. Trong quá trình làm việc ông T cũng có ý kiến là ông đồng ý với số nợ 380.000.000 đồng, do làm ăn thua lỗ và hoàn cảnh khó khăn xin được trả dần.

[3.2] Bà Nh là mẹ của ông T, bà cũng thừa nhận có làm tờ cam kết với ông S là bảo lãnh cho ông T xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, nếu như ông T không có khả năng trả thì bà sẽ trả thay cho ông T. Đối với yêu cầu xin trả dần của bà Nh không được ông S chấp nhận, tại phiên Tòa ông S yêu cầu ông T và bà Nh có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền 380.000.000 đồng. Đối với yêu cầu của ông S buộc bà Nh phải thực hiện nghĩa vụ liên đới cùng ông T thanh toán nợ cho ông. Xét thấy tờ cam kết do bà Nh viết ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc trả nợ ký ngày 15/7/2019 là hợp đồng bảo lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 335 – Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “ Bảo lãnh là việc người thứ ba cam kết với bên có quyền sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ, nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”. Tuy nhiên việc ông S với ông T thực hiện hợp đồng vay tài sản vào năm 2018, bà Nh không tham gia giao dịch và cũng không nhận tiền từ ông S và cũng không thể hiện ý kiến là bảo lãnh số tiền 380.000.000 đồng. Vì vậy yêu cầu của ông S buộc bà Nh và ông T có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho ông là không có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thiện S buộc ông Nguyễn Quan (Quang) T có nghĩa vụ trả số tiền 380.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Về lãi suất: Tại phiên Tòa ông S không yêu cầu tính lãi suất, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông Nguyễn Quan (Quang) T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH;**

### **Áp dụng:**

- Các Điều 335, 432, 438, 463, 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thiện S

Buộc ông Nguyễn Quang (Quan) T có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Thiện S số tiền 380.000.000 đồng (ba trăm tám chục triệu đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thiện S yêu cầu bà Trương Thị Nh cùng có nghĩa vụ liên đới với ông Nguyễn Quan (Quang) T trả cho ông Bùi Thiện S số tiền 380.000.000 đồng (ba trăm tám chục ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Ông Nguyễn Quan (Quang) T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng).

Ông Bùi Thiện S được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008054 ngày 17.02.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M, tỉnh An Giang.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C M;
- Chi cục THADS huyện C M;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Vũ Sơn**